FireAnt

CTCP Đầu tư Công nghiệp Xuất nhập khẩu Đông Dương (HNX: DDG)

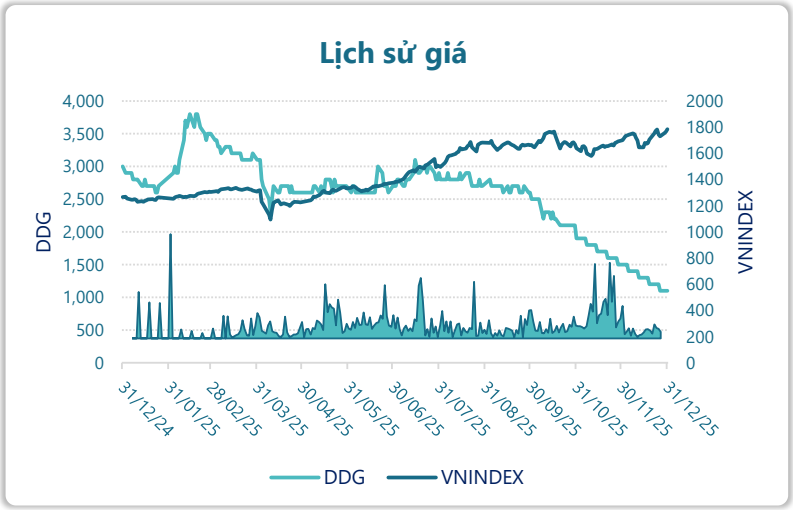

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,100
SL cổ phiếu LH	79,839,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)	371,710
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	88
P/E	-0.2
EPS	-4,605

DT thuần

Q4/25

0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.72| -100%

YoY: ▼201| -100%

LN sau thuế

Q4/25

-157

tỷ VNĐ

QoQ: ▼106| -206%

YoY: ▼166| -1939%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

-418%

+/- YoY: ▼ 427%

DT thuần

2025

69.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼288| -80.5%

LN sau thuế

2025

-378

tỷ VNĐ

YoY: ▼309| -450%

ROE

2025

-63.3%

+/- YoY: ▼ 53.9%

Kết quả kinh doanh

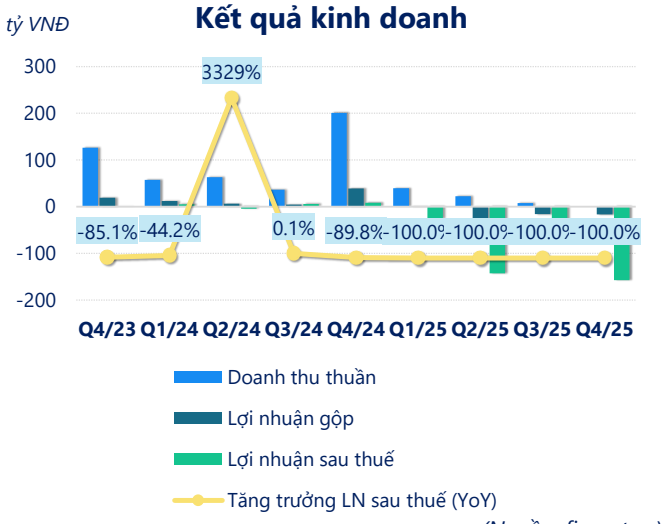

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

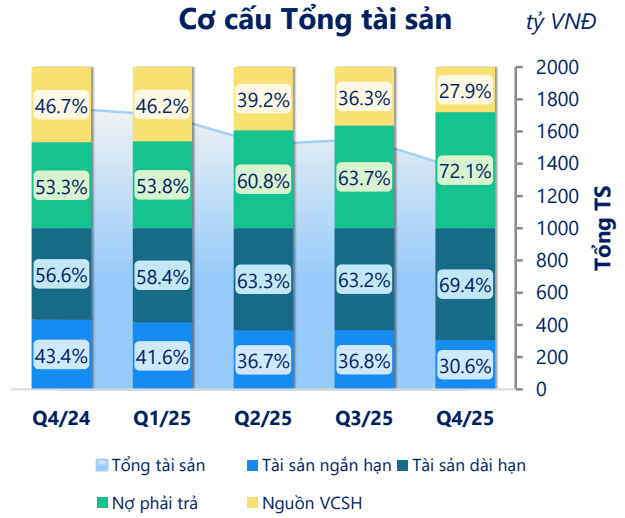

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

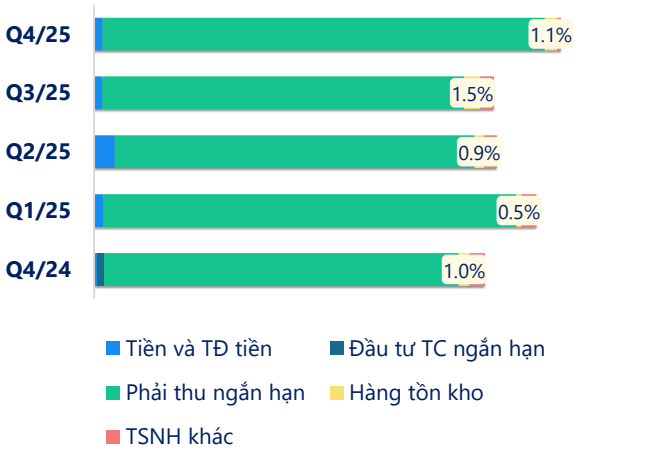

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

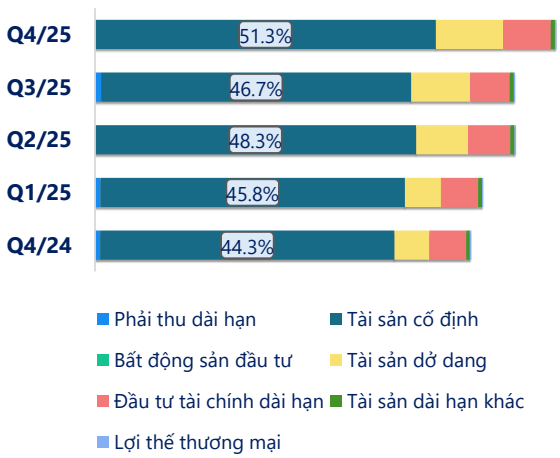

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

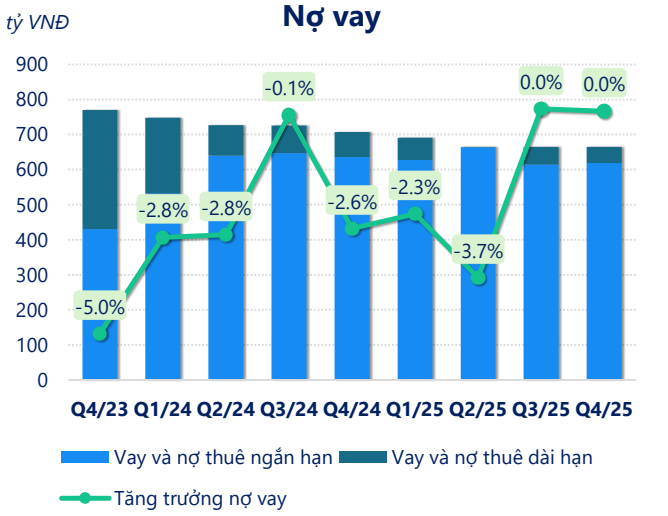

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

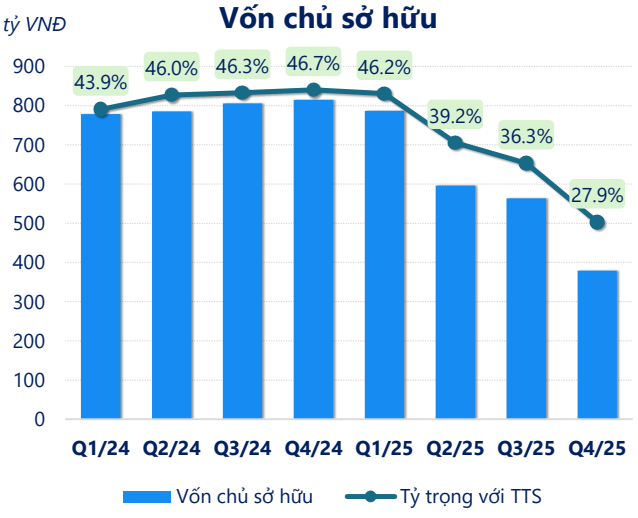

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

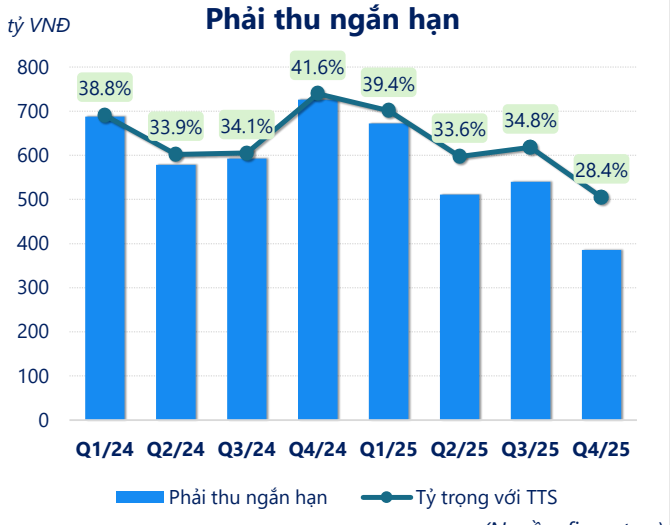

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

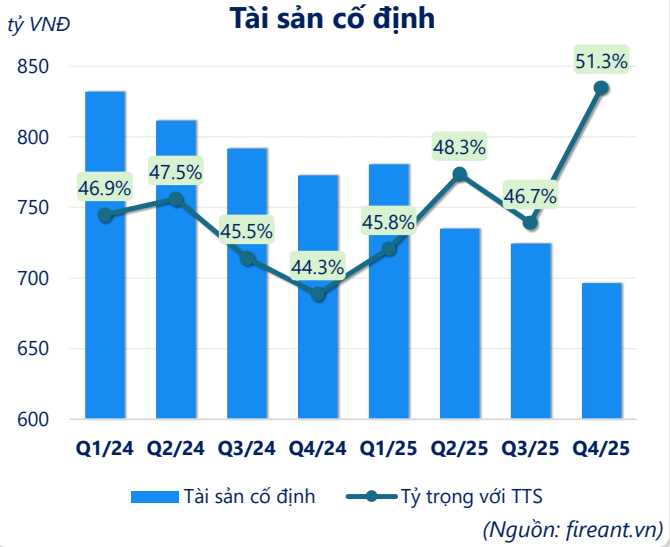

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

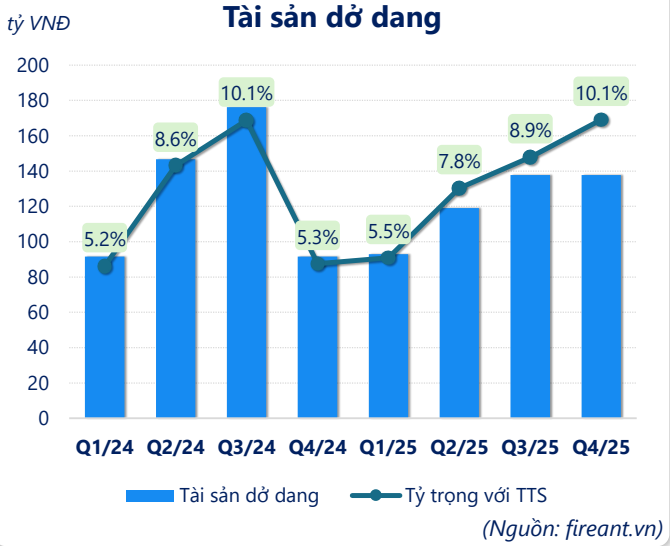

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

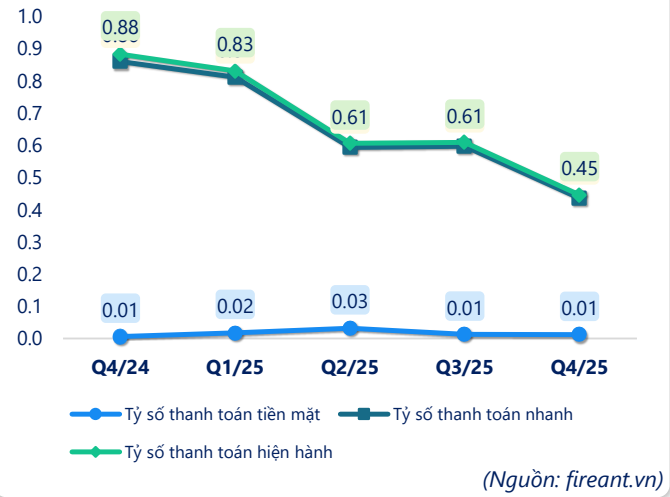

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

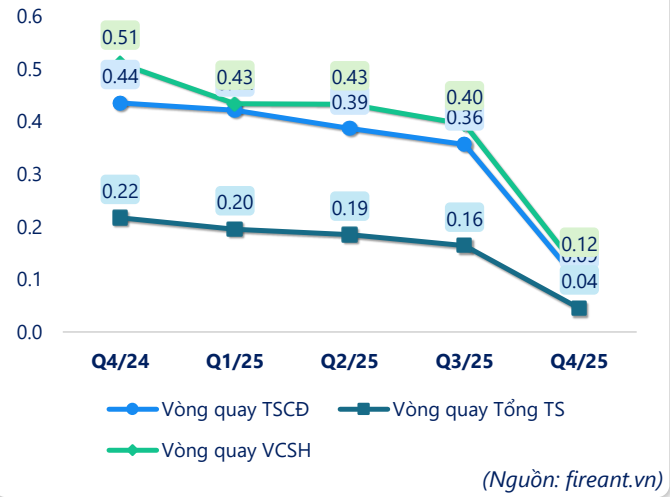

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,746**	**1,704**	**1,521**	**1,552**	**1,358**
Tài sản ngắn hạn	**757**	**709**	**558**	**571**	**415**
Tiền và tương đương tiền	5.13	15.2	29.4	11.8	10.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	726	672	511	540	386
Hàng tồn kho	19.6	16.5	11.3	10.8	9.63
Tài sản ngắn hạn khác	6.37	4.75	6.23	8.95	8.99
Tài sản dài hạn	**988**	**996**	**963**	**981**	**943**
Phải thu dài hạn	14.0	14.0	0.05	14.0	0.05
Tài sản cố định	773	780	735	724	696
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	91.7	92.9	119	138	138
Đầu tư tài chính dài hạn	96.7	95.2	96.6	92.5	96.9
Tài sản dài hạn khác	9.68	9.49	9.30	9.12	8.95
Lợi thế thương mại	3.65	3.44	3.23	3.01	2.80
Nợ phải trả	**931**	**918**	**925**	**989**	**979**
Nợ ngắn hạn	**858**	**853**	**921**	**938**	**932**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	636	627	664	615	619
Phải trả người bán ngắn hạn	47.4	31.0	41.8	85.8	52.9
Nợ dài hạn	72.7	64.5	3.81	50.6	46.9
Vay và nợ thuê dài hạn	71.4	63.5	1.14	50.3	45.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**815**	**786**	**596**	**563**	**379**
Vốn chủ sở hữu	**815**	**786**	**596**	**563**	**379**
Vốn điều lệ	798	798	798	798	798
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)